

Số: 886 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ Cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2017-2020 đoạn qua huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Trên cơ sở Văn bản thẩm định số 903/STC-HĐTĐGD ngày 03/3/2020 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 228/TTr-STNMT ngày 13/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết – Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua huyện Xuân Lộc, với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá:

a) Mục đích định giá đất: Để làm căn cứ tính tiền bồi thường.

b) Các thông tin về khu đất định giá:

Diện tích đất định giá: 2.574.482,7 m².

Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp và đất ở tại nông thôn.

Vị trí khu đất: tại 9 xã Xuân Hoà, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Hiệp, Suối Cát, Bảo Hoà, Xuân Phú, Lang Minh, Xuân Định, huyện Xuân Lộc.

Ranh giới khu đất: được xác định theo 33 tờ Trích lục và đo chỉnh lý khu đất bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/1000, 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 21/10/2019.

2. Phê duyệt kết quả định giá đất như sau:

Phương án giá đất để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ Cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2017-2020 đoạn qua huyện Xuân Lộc, cụ thể như sau:

Stt	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
A	Xã Xuân Hoà			
1	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường còn lại)	Vị trí 4	CLN, BHK, LUK, LUC	110.000
B	Xã Xuân Hưng			
1	Đất ở tại nông thôn đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm (đoạn còn lại)	Vị trí 4	ONT	586.000
2	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường còn lại)	Vị trí 4	CLN, BHK, LUK, LUC, NKH	146.000
3	Đất nuôi trồng thủy sản (các đường còn lại)	Vị trí 4	NTS	146.000
4	Đất rừng sản xuất (các đường còn lại)	Vị trí 4	RSX	146.000
C	Xã Xuân Tâm			
1	Đất ở tại nông thôn đường Quốc lộ 1A - Đoạn qua xã Xuân Tâm (đoạn từ giáp ranh thị trấn Gia Ray đến hết Trường mầm non ấp 6)	Vị trí 1	ONT	4.827.000
		Vị trí 2 (đường nhựa, bê tông)	ONT	2.580.000
		Vị trí 2 (đường đất)	ONT	2.064.000
		Vị trí 3 (đường nhựa, bê tông)	ONT	1.545.000
		Vị trí 3 (đường đất)	ONT	1.236.000
		Vị trí 4	ONT	1.025.000

Stt	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
2	Đất ở tại nông thôn đường Xuân Tâm đi Trảng Táo (đoạn còn lại)	Vị trí 1	ONT	2.104.000
3	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường nhóm I)	Vị trí 1	CLN, BHK, LUK, LUC	1.037.000
		Vị trí 2		457.000
		Vị trí 3		358.000
		Vị trí 4		284.000
4	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường nhóm II)	Vị trí 1		772.000
		Vị trí 4		203.000
5	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường còn lại)	Vị trí 4	CLN, BHK, LUK, LUC, NKH	181.000
6	Đất nuôi trồng thủy sản (các đường nhóm I)	Vị trí 1	NTS	1.037.000
		Vị trí 4		284.000
7	Đất nuôi trồng thủy sản (các đường nhóm II)	Vị trí 4		203.000
8	Đất nuôi trồng thủy sản (các đường còn lại)	Vị trí 4	NTS	181.000
9	Đất rừng sản xuất (các đường nhóm I)	Vị trí 2	RSX	457.000
		Vị trí 3		358.000
10	Đất rừng sản xuất (các đường nhóm II)	Vị trí 1		772.000
		Vị trí 4		203.000
11	Đất rừng sản xuất (các đường còn lại)	Vị trí 4	RSX	181.000
D	Xã Xuân Hiệp			
1	Đất ở tại nông thôn Đường tỉnh 765 - Đoạn qua xã Xuân Hiệp	Vị trí 1	ONT	4.656.000
		Vị trí 2 (đường nhựa, bê tông)	ONT	2.212.000
		Vị trí 2 (đường đất)	ONT	1.770.000
		Vị trí 3 (đường nhựa, bê tông)	ONT	1.557.000
		Vị trí 3 (đường đất)	ONT	1.246.000



Stt	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
		Vị trí 4	ONT	968.000
2	Đất ở tại nông thôn các đường Tam Hiệp - Tân Tiến, đường Trịnh Hoài Đức, đường Việt Kiều 1, đường Việt Kiều 2 (xã Xuân Hiệp)	Vị trí 1	ONT	1.946.000
		Vị trí 2 (đường nhựa, bê tông)	ONT	1.061.000
		Vị trí 2 (đường đất)	ONT	849.000
		Vị trí 3 (đường nhựa, bê tông)	ONT	801.000
		Vị trí 3 (đường đất)	ONT	641.000
		Vị trí 4	ONT	598.000
3	Đất ở tại nông thôn đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Vị trí 2 (đường nhựa, bê tông)	ONT	1.061.000
		Vị trí 2 (đường đất)	ONT	849.000
		Vị trí 4	ONT	598.000
4	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường nhóm I)	Vị trí 1	CLN, BHK, LUK, LUC	1.037.000
		Vị trí 2		449.000
		Vị trí 3		342.000
		Vị trí 4		282.000
5	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường còn lại)	Vị trí 1	CLN, BHK, LUK, LUC	688.000
		Vị trí 2		377.000
		Vị trí 3		285.000
		Vị trí 4		200.000
E	Xã Suối Cát			
1	Đất ở tại nông thôn Đường tỉnh 765 - Đoạn qua xã Suối Cát (các đoạn còn lại qua xã Suối Cát)	Vị trí 1	ONT	4.656.000
		Vị trí 2 (đường nhựa, bê tông)	ONT	2.212.000
		Vị trí 2 (đường đất)	ONT	1.770.000
		Vị trí 3 (đường nhựa, bê tông)	ONT	1.557.000
		Vị trí 3 (đường đất)	ONT	1.246.000

Stt	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
		Vị trí 4	ONT	968.000
2	Đất ở tại nông thôn đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng (đoạn còn lại)	Vị trí 1	ONT	1.844.000
		Vị trí 4	ONT	604.000
3	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường nhóm I)	Vị trí 1	CLN, BHK, LUK, LUC	1.037.000
		Vị trí 2		449.000
		Vị trí 3		342.000
		Vị trí 4		282.000
4	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường còn lại)	Vị trí 1		677.000
		Vị trí 4		203.000
5	Đất nuôi trồng thủy sản (các đường nhóm I)	Vị trí 1	NTS	1.037.000
F	Xã Lang Minh			
1	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường còn lại)	Vị trí 4	CLN, BHK, LUK, LUC	186.000
G	Xã Xuân Phú			
1	Đất ở tại nông thôn đường Bình Tiến Xuân Phú - Xuân Tây (đoạn còn lại)	Vị trí 1	ONT	2.156.000
		Vị trí 2 (đường nhựa, bê tông)	ONT	1.185.000
		Vị trí 2 (đường đất)	ONT	948.000
		Vị trí 4	ONT	628.000
2	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường nhóm II)	Vị trí 1	CLN, BHK, LUK, LUC	641.000
		Vị trí 2		427.000
		Vị trí 4		202.000
3	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường còn lại)	Vị trí 4		173.000
H	Xã Bảo Hoà			
1	Đất ở tại nông thôn đường Mả Vô đi ấp Bưng Cắn (đoạn còn lại)	Vị trí 1	ONT	1.851.000
		Vị trí 2 (đường nhựa, bê tông)	ONT	945.000



Stt	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
		Vị trí 2 (đường đất)	ONT	756.000
		Vị trí 3 (đường nhựa, bê tông)	ONT	686.000
		Vị trí 3 (đường đất)	ONT	549.000
2	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường nhóm II)	Vị trí 1	CLN, BHK, LUK, LUC	757.000
		Vị trí 2		396.000
		Vị trí 3		298.000
		Vị trí 4		218.000
3	Đất nuôi trồng thủy sản (các đường nhóm II)	Vị trí 1	NTS	757.000
		Vị trí 2		396.000
		Vị trí 3		298.000
		Vị trí 4		218.000
I	Xã Xuân Định			
1	Đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (các đường nhóm II)	Vị trí 4	CLN, BHK, LUK, LUC	210.000

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Xuân Lộc chỉ đạo Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Xuân Lộc tính toán lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Xuân Lộc, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Xuân Lộc, Chủ tịch UBND các xã: Xuân Hòa, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Hiệp, Suối Cát, Lang Minh, Xuân Phú, Bảo Hòa, Xuân Định, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu: VT, ĐT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng